

姓名:

EWS survival expressions

duì bù qǐ
对不起。

qǐng wèn
请问。 . . .

xiè xiè bù kè qì
谢谢。 不客气。

zhè shì shén ma
这是什么？

wǒ bù dǒng
我不懂。

qǐng zài shuō yī biàn / qǐng zài shuō yī cì
请再说一遍。 / 请再说一次。

" . . . " zhōng wén zěn me shuō
" . . . " 中文怎么说？

" . . . " shì shén me yì sī
" . . . " 是什么意思？

qǐng nǐ gěi wǒ
请你给我 . . .

qǐng nǐ gào sù wǒ
请你告诉我 . . .